



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DUC AN
Last Middle First

Current Address: 120/16 B Tran binh Trong F.2 quan 5 HOCHIMINH City

Date of Birth: July 2-1941 Place of Birth: TAN LAP TAN AN

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 27 June 1975 To 10 Feb. 1983
Years: 8 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

J

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUC AN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN NGOC DUNG		Wife
NGUYEN MINH HIEN		Daughter
VU NGOC XUAN TRUONG		Wife,s daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV- 50768

The purpose of this form is to identify persons who are interned in re-education camps in Vietnam, so that eligible admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DUC AN
Last Middle First

Current Address: 120/16 B Tran binh Trong F.2 quan 5 HOCHIMINH City

Date of Birth: July 2-1941 Place of Birth: TAN LAP TAN AN

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 27 June 1975 To 10 Feb. 1983
Years: 8 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

INTAKE FORM
MÀU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

NAME (TÊN TÙ NHÂN) :

NGUYEN DUC AN

Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH :

(NĂM, NƠI SINH ĐẸ)

JULY 02 - 1941

TAN AN

Month (Thang)

Day (Ngày)

Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ)

Male (Nam) :

M

Female (Nữ) :

MARITAL STATUS

(Tình trạng gia đình)

Single (Độc thân) :

Married (Có lập gia đình) : YES

ADDRESS IN VIETNAM

(Địa chỉ tại VN)

120/166 TRAN BINH TRONG FL, Q2, HOCHIMINH CITY/VN

POLITICAL PRISONER

(Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) YES No (Không) :

: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 30/4/1975 To (Đến) : 10/02/1983

PLACE OF RE-EDUCATION:

CAMP (TRẠI TÙ)

XUYEN MOC

ĐÔNG NAI

PROFESSION (Nghề Nghiệp) :

EDUCATION IN U.S. :

(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) :

CAPTAIN

VN GOVERNMENT

(Trong chính phủ VN)

Position (Chức Vụ) : PHUNG HOANG OFFICE

CHIEF

Date (Năm) :

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : YES IV Number (số hồ sơ) :

No (Không) :

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo) :

(Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết. ()

MAILING ADDRESS IN VN:

(Địa chỉ liên lạc tại VN)

NAME ADDRESS OF

SPONSOR/RELATIVE

(Tên, Địa chỉ Thân nhân :

hay Người Bảo Trô)

U.S. CITIZEN

: (Có quốc tịch Hoa Kỳ) :

No (Không) :

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN) :

NAME AND SIGNATURE :

NGUYEN DUC AN 120/166 TRAN BINH TRONG FL, Q2

ADDRESS OF INFORMANT

(Tên, Địa chỉ, Chủ Ký, Điện thoại

của người điền đơn này)

DATE :

FEB.

15th

1989

Month (thang)

Day (ngày)

Year (năm)

- 1/ NGUYEN NGOC DUNG 12/2 ẤP 4A, TANTHUAN NHABE
- 2/ NGUYEN MINH HIEN "
- 3/ VU NGOC XUAN TRUONG 10G AP 5, TANTHUAN. NHABE

12/2

12/2

DATE :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

IV. #

VIENL. #

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam

NGUYEN ĐUC AN

Last

Middle

First

Current Address

120/16^B TRAN BINH TRONG HO CHI MINH CITY / VN

Date of Birth

2.7.1941

Place of Birth

TAN AN

Names of Accompanying Relatives/Dependents

1/ NGUYEN NGOC DUNG

WIFE

2/ NGUYEN MINH HIEN

DAUGHTER

2/ VU NGOC XUAN TRUONG

WIFE'S DAUGHTER

Time Spent in a Re-education Camp:

Dates: From

80/4/1975

To

10/2/1983

✓ Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME

RELATIONSHIP

NAME

RELATIONSHIP

Form Completed By:

NGUYEN ĐUC AN

Name

120/16^B TRAN BINH TRONG F2, Q2 HCMINH CITY / VN

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria, and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

294 18.2.83

Trần Văn Công, ban
hành theo công văn số
2345 ngày 27 tháng 11
năm 1972

Trại **Xuân Hòa**
Số **55** GR1

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-3-1961 của Bộ Nội vụ

Thị hành án văn, quyết định của số

67 -

ngày

22

tháng

02

năm

1983

của

Bộ Nội Vụ

Đây là giấy của cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Nguyễn Đức Ân

Sinh năm 19

42

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Tân An

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bắt

120/16B Trần Bình Trọng, Quận 5

Cán bộ

Chỉ huy trưởng cảnh sát kiểm phong

Bắt ngày

27 - 6 - 75

án phạt

TTGT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

Trở quán trên, quán chố 12 tháng.

Nhận xét quá trình cải tạo

Tò ra an tâm cải tạo chưa có biểu hiện xấu, lao động đảm bảo
ngày giờ công mức khoán do trại qui định có ý thức t(ong) việc
bảo vệ hoa màu của trại học tập tham gia đầy đủ kiểm điểm
được, mọi qui chấp hành khá chưa có sai phạm lớn, sai tạo hàng
năm xếp loại trung bình.

Đề nghị định quyền đề phương tiếp tục đúp đỡ tiếp.

Họ, tên, chức vụ, đơn vị, địa phương, xã:

Trên đây là bản sao của

Lưu tại đơn vị

Họ, tên, chức vụ
người được cấp giấy

Ngày 10 tháng 2 năm 1983

Cá **Nguyễn Đức Ân**

Định biên số **111 43**

Lưu tại **Đ3H3.F500**

Mu



/)/ **Nguyễn Đức Ân**

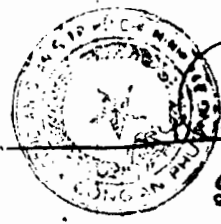
Trần Văn Công

Xác nhận

Thầy Nguyễn Đức Ân có trình

Thị Đa giảng

Ngày 11 tháng 2 năm 1983
P. TRƯỞNG CÔNG AN TƯỞNG



[Handwritten signature]

Phạm Tiến Cường

81-51
-88P

apex

... all imp dual

(To Mr. James W. ...)

Box 2432 ...

(2200-2055 AU

(-A211),

Các ... lập ...

... lập ...

... lập ...

TR: ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

... lập ...

15.51
-82N

... all up hill

((T.M.) ...)

not ...

(2550-2055 AU

(-A2M),

Các ...

...

...

TR: ...

...

...

...

...

From Nguyễn Đức Ân
120/106 B Trần Bình Tru
Q. 5 - TP HCM.

PAR AVION
MAY BAY



DHN
2 hls

1) 84
2) 64
vậy to: MRS PHUC-NGUYEN (B)
PO. Box 5435 - ARLINGTON

U A. 22205 - 0685

MAR 24

USA



VN ngày 9/07/90

Kính thưa chị,

Em có nhận được thư hồi đáp của chị hôm 14/5/89 và
qua đó em ở nhà mình đang trao lại. Đọc thư chị với
những lời lẽ ân ái và khuyên nhủ rất chí tình. Trong
hoàn cảnh hiện tại đó là niềm hy vọng và là cái phao
để trôi em khỏi vực...

Trước thềm Năm mới xin đại diện toàn bộ ái mộ
chị gửi đến chị lời cầu chúc tốt đẹp nhất và ước
mong ngày đoàn tụ với chị không xa...

Hồ sơ em có gửi qua chị gửi đây để phải tờ chị
cải gởi tiếp thôi, song không biết chị có được hay o,
vì mãi đến nay em o có thư của chị. Hồ sơ em gửi
Thái Lan có hợp và hồi báo đây đi.

Thưa chị, em học tập gần 8 năm cấp đại học, ngành
thủy học (CSQG), vào ở điều kiện o có IV hay LOI
vào thời nhận ở Mỹ lưu lưu thì có được giải quyết o.
Vì lập nay ở VN chị có hàng người có lưu lưu mới
được giải quyết thời. Và em phải lưu gi để có LOI
và trị giải đoan này có cần thiết để có LOI hay
khí. Xin chị ưu lưu cho em biết qua t/c thời
nhận em ở lúc đây hay thời nhận sẽ liên lạc chị trị
trị hợp cần thiết xin lời.

Tình trạng của em cũng lì tình trạng chúng lớn lớn
ở em ở VN: ngành lì học tập 7,8 năm cấp lưu và
khí có IV hay LOI (o có thời nhận ở Mỹ và lưu tập

về muộn) như vậy chúng em có hộp thư để đi. Khi
đến được ra đi theo chỉ trình ~~trên~~ nhà tạo hay kị.
Xin chị cho biết để được em an tâm chỗ ở, hoặc
giả chúng em có tên trong danh sách được chọn hay?
Bên cho chị biết thì biết thời gian chỗ ở có
lưu hay bị quên không?

Thưa chị, làm phiền đến chị thật
em rất ái ngại vì biết chị ở có thì giờ, song
không còn ai có thể cho được em biết tin tức
chính xác như chị. Mong chị cảm thông và tha thứ,
cái em của chị ở quê nhà rất trông chờ chị.

Một lần nữa xin gửi đến chị lời thân hân
chào từ em của chị em. Các em ở Nam Ninh Trang
gửi lời thân ái chị nhé.

Kính thư
Mẹ

Ng. Đức Ân

Cấp lãnh: đ.ư. (2/2/1941)

Đ.ư. 11: BCH/CSQG Kiến Phong

Chức vụ: VP Trưởng (Phụ Hoàng tử)

Chị xem giúp em có thể tự list hay kị.

Đ.ư. 11: MRS. Ng. Tài Cúc

Telephone

AIR MAIL
PAR AVION



JAN 30 1990
TO: MRS KHUC MINH THO

PO 5435

ARLINGTON VA 22205 0635

U.S.A

FROM: BO TH1 ~~BO~~ CUC LE

17/89

vô computer
lời

Kính thưa Chị,

Tên có nhận được thư hồi đáp của chị với những lời lẽ rất là an ủi của một người chị; làm em cảm thấy có nhiều hy vọng để có ngày đạt được sở nguyện mà em đã trải qua những năm tháng dài cô cực.

Tên gởi cho chị cái phẩy tờ mà chị yêu cầu, vậy chị giúp bằng cách tốt nhất để em có được cái "lời" hay em có thể cho em biết em hỏi đến đến kiện mà họ chọn hay không, hoặc tên em có tương đương sách không.

Tên hy vọng chị sẽ giúp em tích cực và thật báo em biết từ tức chi biết. Nếu ao được hỏi hỏi cũng chị tương đương gia đình đây từ từ yêu. Kính chúc sức khỏe chị.

Kính thư
M

TB : CMND và hộ khẩu hiện tại em chưa
được cấp nên o gửi cho chị được.

Đ/c : Ngô Đức Ân
120/16^B Trần Bình Trọng, Q.5
TP Hồ Chí Minh

Chị BÈ - Loan,

Chị cứ yên tâm giữ hộ giấy tờ cho
anh Ân này nhé. Cảm ản lắm

Nghe

244 48.2 83

Trại **Nguyễn Hữu**
Số **55** CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo sắc lệnh số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ hành án văn, quyết định của số **07**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 1500
BAN QUẢN LÝ NGHĨA DÂN TỰ CỘNG HÒA
THÀNH DIỆN: ngày **18** tháng **12** năm **1983**
Quản Chủ: **Đoàn Văn**
Đã ký: **Đoàn Văn** ngày **22** tháng **02** năm **1983**

của **Đoàn Văn**

Đây là giấy ra cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên, khai sinh **Nguyễn Hữu An**

Sinh năm 19 **41**

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

120/16B Trần Bình Trọng, quận 5

Can tội **Chỉ huy tướng cảnh sát kiêm phóng**

Bị bắt ngày **27-6-75**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tạm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại

Trú quán trên, quán số 12 Hàng.

Nhận xét quá trình cư trú

Tên **Nguyễn Hữu An** tên cải tạo chưa có bản hiện gần, lao động đơn bạc ngay giờ công mướn. Muốn ra trại **Đoàn Văn** có ý kiến tiếp tục bảo vệ hòa mầu của trại học tập thêm, là đây đủ kiểm điểm được, mọi qui chấp hành khá chưa có sai phạm lớn, cải tạo hàng năm xếp loại trung bình.

Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tạo tiếp đỡ tiếp.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lưu tay ngón trỏ phải

Của **Nguyễn Hữu An**

Danh bản **111 43**

Lập tại **0313.7500**

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

M

11/ Nguyễn Hữu An

Ngày **10** tháng **2** năm **1983**



Thiền To: **Bảo Văn Đình**

ĐÔ - THÀNH SAIGON

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN B1

Số hiệu: 7365

H/6

HỘ - TỊCH

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu (1956)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn ngọc Dung
Phái	Nữ
Ngày sanh	Hai mươi tháng bảy năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu, 2 giờ 20
Nơi sanh	Saigon, 455 Phan đình Phùng
Tên, họ người Cha	Nguyễn khương Lạc
Tuổi	mười bốn
Nghề-nghiệp	Thợ kỹ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 51/3 Phan đình Phùng
Tên, họ người mẹ	Trần thị Ngọc-Anh
Tuổi	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 51/3 Phan đình Phùng
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

lập tại Saigon, ngày 27 tháng 7 năm 1965

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 11 tháng 1 năm 1966

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 5

NGUYỄN-MINH CƯỜNG

MIỄN LỆ-PHI

Đã nộp Hộ-Đo Quận-Đo

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Tân-Lập (Tân an)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 32
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Nguyễn-Đức-ân</u>
N m, nữ. (Sexe de l'enfant)	<u>nam</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>2 er Juillet 1941</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>hàng Tân-lập</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Nguyễn-Đức-Trang</u>
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	<u>làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>làng Tân-Lập</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Nguyễn-thị-Quyên</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>làng Tân-Lập</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Chúng tôi _____
(Nous)
Chánh-Án Tòa _____
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp pháp chữ ký tên của _____
(Certificat d'authenticité de la signature de)
Ông _____
(M.)
Chánh Lục-Sự Tòa Án sơ-tại _____
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme)



ngày 12-10 19 70

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).

[Signature]

ngày _____ 19 _____
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Giá tiền 15000

(Cout)

Biên-lai số 2008/B6/5-

(Quittance No)

[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Kh. phường TÂN THUẬN ĐÔNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 058

Huyện, Quận LƯU BÈ

Quyền 01/88

Tỉnh, Thành phố HỒ CHÍ MINH



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN VĂN HIẾN Nam hay Nữ HỮU

Ngày, tháng, năm sinh 11/04/1988

/)/gày m-đi-một, tháng t-4, năm m-1988

Nơi sinh BỆNH VIỆN HIU SĨ

Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	NGUYỄN NGỌC DUNG	NGUYỄN ĐỨC AN
Tuổi	1956	1941
Dân tộc	KINH	KINH
Quốc tịch	VIỆT NAM	VIỆT NAM
Nghề nghiệp	CÔNG NHÂN VIÊN	CÔNG NHÂN VIÊN
Nơi thường trú	12/2 TP 4 TÂN THUẬN ĐÔNG	120/16 TRẦN BÌNH TRỌNG PHƯƠNG 2 QUẬN 3

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

NGUYỄN ĐỨC AN

Đăng ký ngày 20 tháng 04 năm 1988

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
đá ký và đóng dấu

HUYỀN HỒNG CƯỜNG

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 06 tháng 12 năm 1988

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU
P. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận, Tỉnh

Thành phố, Tỉnh, Chi nhánh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 41

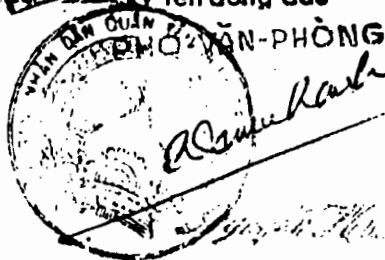
Quyển số 03/17

Họ và tên	TRƯỜNG		Nam, nữ Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày mười chín tháng một, năm một nghìn chín trăm bảy mươi bảy. (19 - 01 - 1977)		
Nơi sinh	Quận 5		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	VŨ KHẮC TUYÊN 1956	NGUYỄN NGỌC DUNG 1956	
Dân tộc	KINH		
Quốc tịch	VIỆT		
Nghề nghiệp	Cán bộ	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Số 4/73/6, Lạo Long Quận - Phường 25 Q. Tân Bình		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	VŨ KHẮC TUYÊN Số 4/73/67 - Phường 25 - Tân Bình		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 2 tháng 3 năm 1977

TM/UBND - Ủy ban ký tên đóng dấu



Đăng ký ngày 24 tháng 1 năm 1977

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

UBND, Ủy viên Ủy tịch C. Tân Bình
Trưởng

BỒI THƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường 02

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận 65

Ngày

Tỉnh, Thành phố HCM

Số 54.2.2

Quyển số I/86

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên NGUYỄN ĐỨC AN

NGUYỄN NGỌC DUNG

Bí danh

Sinh ngày tháng 02.7.1941

20.07.1956

năm hay tuổi

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt

Nam

Nghề nghiệp

Nhân viên

Đông nhân

Nơi đăng ký tạm trú 20/16B

104 Ấp 5B

nhân khẩu Tân Bình Trưng

xã Tân Trưng

thường trú F.2 Q.5

Nhà bè

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

021144022V

Đăng ký ngày 9 tháng 9 năm 1986

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U. B. D.

F. 2 Q. 5

B. M. C.

H. M. C.



PHÓ CHỨC

Đ. M. C.

DATE : February 14th 1989

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA .

1. NAME

NGUYEN ĐỨC AN

2. OTHER NAME

3. DATE/PLACE OF BIRTH

02/07 / 1941 TÂN LẬP - TÂN AN

4. RESIDENCE ADDRESS

120/16B . TRAN BINH TRONG F2 , Q5, HCMC

5. MAILING ADDRESS

6. CURRENT OCCUPATION

B.- RELATIVES TO ACCOMPANY ME .

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M.S.) as follows : married (M) Divorced (D) Widowed (W) or single (S)

NAME

DATE

OF BIRTH

PLACE OF BIRTH

SEX

MS RELATIONSHIP

1. NGUYEN NGOC DUNG 20/7/1956 Saigon F M WIFE
2. NGUYEN MINH HIEN 11/4/1988 NHABE F S DAUGHTER
3. VU NGOC XUAN TRUONG 19/01/1977 TAN BINH F S WIFE'S DAUGHTER

(NOTE) : FOR the person listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriages certificates (if married) divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed) above accompanying do not live with you, please note their address in section I below .

C.- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM .

1. CLOSEST RELATIVE IN THE U.S.

a. NAME

b. RELATIONSHIPS

c. ADDRESS

2. CLOSEST RELATIVE IN OTHER FOREIGN COUNTRIES .

a. NAME

THI CUC LE

b. RELATIONSHIPS

ELDER SISTER

c. ADDRESS

32 SHINNICK DRIVE, PLUMPTON NSW 2761

COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

Australia

RELATIONSHIPS : NAME : ADDRESS

1. FATHER : NGUYEN ĐỨC TRANG DEAD
2. MOTHER : NGUYEN THỊ QUYÊN DEAD
3. SPOUSE : NGUYEN NGOC DUNG 12/2 AP 4A , TÂN THUAN, NHABE
4. FORMER SPOUSE:
5. CHILDREN : NGUYEN MINH HIEN 12/2 AP 4A TANTHUAN , NHABE
: VU NGOC XUAN TRUONG 106 AP 5 TANTHUAN NHABE
:
:
:

6. SIBLING :

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. NAME OF EMPLOYED :
2. DATE FROM : TO
3. TITLE OF (LAST) POSITION :
4. AGENCY / COMPANY / OFFICE :
5. NAME OF (LAST) SUPERVISOR :
6. REASON FOR LEAVING :
7. TRAINING FOR JOB IN VIETNAM :

F. SERVICE WITH G.V.N. OR R.V.N.A.F. BY YOU OR YOUR SPOUSE .

1. NAME OF PERSON SERVING : NGUYEN DUC AN
2. DATE FROM : 1967
3. LAST RANK : CAPTAIN
4. MINISTRY / OFFICE / MILITARY UNIT : NATIONAL POLICE
5. NAME OF SUPERVISOR / O.O. : GE. NGUYEN KHAC BINH
6. REASON FOR LEAVING : 30/4/1975 event.
7. NAME OF AMERICAN ADVISOR : *o*
8. U.S. TRAINING COURSE IN VIETNAM :

~~9. U.S. AWARDS OR CERTIFICATES~~
(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards, or certificates, if available. Available? YES NO V.....)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE. *Re-training*

1. NAME OF STUDENT / TRAINER : NGUYEN DUC AN
 2. SCHOOL AND SCHOOL ADDRESS : IPOH, MALAYSIA
 3. DATE FROM : MARCH 1968 TO MAY 1968
 4. DESCRIPTION OF COURSE : WARFARE ^{gene} IN THE JUNGLE
 5. WHO PAID FOR TRAINING? : USAID
- (NOTE: Please attach copies of diplomas, or orders, if available. Available? YES NO X....)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE.

1. NAME OF PERSON IN REEDUCATION : NGUYEN DUC AN
2. TOTAL TIME IN REEDUCATION : 7 YEARS 9 MONTHS 12 DAYS
3. STILL IN REEDUCATION : YES NO *o*.....
(If released we must have a copy of your release certificate)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS? - *9 hrs* NGUYEN NGOC DUNG, 12/2 AP 4 A
XA TANTHUAN, NHABE, HOCHIMINH CITY
VIETNAM

SIGNATURE
PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.

- 1) Release paper
- 2) birth certificates
- 3) marriage certificate
- 4) 4 Photos of myself & my wife.

294 48.2 83

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTQ, ban hành theo công văn số 2505 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Trại
Nguyễn Hữu
Số 55 CRT

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số

07 -

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 1506
BAN QUẢN LÝ NGƯỜI BTCT QUOC VE
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 18 12 83
Quản Chi...
Đã từ ngày đến trại diện
ngày 22 tháng 02 năm 1983

của **Bộ Nội vụ**

Đây là giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Đức Ân**

Sinh năm 19 **42**

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Tân An

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

120/16B Trần Bình Trọng, quận 5

Can tội **Thành phố Hồ Chí Minh.**

Chỉ huy trưởng cảnh sát kiểm phong

Bị bắt ngày **27-6-75**

Án phạt

TTGT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Lần bị giam án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại

Trại giam trên, quản chế 12 tháng.

Nhận xét quá trình cải tạo

Tổ ra an tâm cải tạo chưa có biểu hiện giằng, lao động đảm bảo
ngày giờ công mủ. Thoa do trại **định có ý t (ong, việc**
bảo vệ hoa màu của trại học tập tham gia đầy đủ kiểm điểm
được, mọi qui chấp hành khá chưa có sai phạm lớn, cải tạo hằng
năm xếp loại trung bình.

Đề nghị định quyền đề phương tiếp tạo tiếp.

B.ơng sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Lên tay ngôn trò phải

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 10 tháng 2 năm 19 83

Của **Nguyễn Đức Ân**

Danh bìn **111 43**

Lập tại **D3H3.F.500**

M

11/ Nguyễn Đức Ân



Thiếu Tá: **Bùi Văn Đình**

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Tân-Lập (Tân an)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1941
(Année)

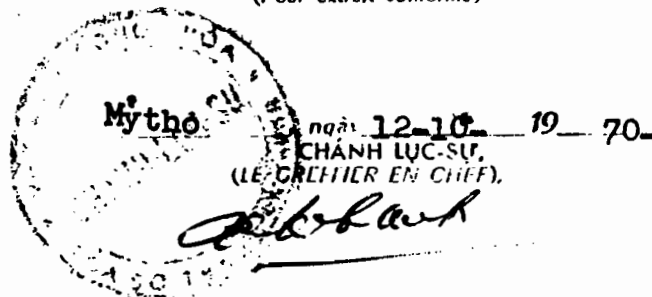
SỐ HIỆU 32
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-Đức-ân
N m, nữ. (Sexe de l'enfant)	nam
Sinh ngày nào (L. te de naissance)	2 er Juillet 1941
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	làng Tân-lập
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-Đức-Trang
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	làng Tân-Lập
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Quyên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	làng Tân-Lập
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)
Chánh án Tòa
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông
(M.)
Chánh Lục-Sự Tòa Án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

ngày 19
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme)



Giá tiền 15\$00
(Cout)

Biên-lai số 2008/B6/5-
(Quittance No)

20/12

NAM - PHÂN
ĐO - THÀNH SAIGON
TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN - B

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH

Số hộ : 7365

H/6

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu (1956)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn ngọc Dung
Phối	Nữ
Ngày sanh	Hai mươi tháng bảy năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu, 2 giờ 20
Nơi sanh	Saigon, 455 Phan đình Phùng
Tên, họ người Cha	Nguyễn khương Lạc
Tuổi	mười bốn
Nghề-nghiệp	Thư ký
Nơi cư-ngụ	Saigon, 51/3 Phan đình Phùng
Tên, họ người mẹ	Trần thị Ngọc-Anh
Tuổi	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 51/3 Phan đình Phùng
Vợ chánh hay thứ	vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 27 tháng 7 năm 1965

TRÍCH-LỤC Y BÀN CHÍNH :

Saigon, ngày II tháng I năm 1966
QUẢN - TRƯỞNG QUẬN 3

NGUYỄN-MỸ-CHANG

MIỄN LỆ-PHÍ
Đã nộp Hộ-Đo Quận-Đo



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Tân-Lập (Tân an)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud Việt-Nam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 32
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-Đức-ân
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	2 ^{er} Juillet 1941
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	làng Tân-lập
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-Đức-Trang
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	làng Tân-Lập
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Quyên
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	làng Tân-Lập
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi _____
(Nous)
Chánh-Án Tòa _____
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifie l'authenticité de la signature de)
Ông _____
(M.)
Chánh-Lục-Sự Tòa Án-sở tại _____
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

_____ ngày _____ 19____
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme)



ngày 12-10 1970
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).

Giá tiền
(Cout)

15000

Biên-lai số
(Quittance No)

2008/B6/5-

Handwritten signature

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường 02

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận 05

Ngày

Tỉnh, Thành phố HCM

Số 54.2.2

Quyển số 5/86

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên NGUYỄN ĐỨC AN

NGUYỄN NGỌC DUNG

Bí danh

Sinh ngày tháng 02.7.1941

20.07.1956

năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Kinh

Quốc tịch Việt

Nam

Nghề nghiệp Nhân viên

Đang nhận

Nơi đăng ký Tam Mi 200/16^B

10^A Ấp 5 B

nhân khẩu Tên bình Trung

xã Tân Thuận

thường trú F.2 Q.5

Nhà bē

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

0211440221

Đăng ký ngày 9 tháng 9 năm 1986

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

F.2 Q.5

Đức An

Dung

PHÓC

[Signature]

Brian P. Lewis
Attorney

Tel:

FAX:

Telex:

If you have any
questions please feel free
to call.

Brian Lewis

From: NGUYEN DUC AN

120/16 B -

Hà Nội. 95
Sui jin.



Vô computer
lời
Bổ túc hồ sơ

To: MRS KIM MINH THO

PO Box 5435 ARLINGTON

VA 22205 - 0635

USA



JUL 24 1989

PAR AVION VIA AIR MAIL



CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 4/4/89
____ Release Order
____ ☒ Computer 4-8-89 gdr 16² VII
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter